

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐIỆN  
LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

-----\*\*\*-----

Số: 01 /2019/GTHNKG

v/v "giải trình về số liệu BCTCHN  
QI/2019"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----\*\*\*-----

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2019

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước**

Công ty CP Tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt Úc xin gửi lời chào trân trọng đến quý Cơ quan.

Căn cứ vào số liệu báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2019, chúng tôi xin được giải trình một số các biến động so với quý I năm 2018 như sau:

Biến động trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất:

- **Các khoản giảm trừ doanh thu:** tăng 84.19% do tăng hàng bán bị trả lại và chiết khấu bán hàng
- **Lợi nhuận gộp:** tăng 14.33% do giá bán và tập trung bán vào các nhóm sản phẩm có tỷ lệ lợi nhuận gộp cao
- **Chi phí tài chính:** tăng 12.74% do lãi suất vay ngân hàng điều chỉnh tăng và số dư nợ vay ngân hàng tăng so với cùng kỳ năm trước
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** tăng 17.28% nguyên nhân do điều chỉnh chính sách lương dẫn đến chi phí lương tăng.
- **Lợi nhuận khác:** tăng 810.15% do các khoản hỗ trợ của nhà cung cấp

Tất cả các nguyên nhân nêu trên dẫn đến tổng lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty năm nay tăng 667.14% so với cùng kỳ năm trước

Trên đây là bản giải trình những chỉ tiêu biến động trên báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn điện lạnh điện máy Việt Úc.

Trân trọng!

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH TÀI CHÍNH & ĐẦU TƯ  
Phạm Thị Thanh Hà

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ I.2019**

**03 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC**

## **MỤC LỤC**

**Trang**

- 1. Mục lục**
- 2. Bảng cân đối kế toán 03 tháng đầu của năm tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2019**
- 3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 03 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**
- 4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 03 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**
- 5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 03 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019**

**1-31**

\*\*\*\*\*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt Úc**

Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương mai, quận Đống Đa, thành phố Hà nội, Việt nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1.2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.435.730.348.401</b>	<b>1.459.596.237.817</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>20.539.680.441</b>	<b>25.177.151.117</b>
1. Tiền	111		20.539.680.441	25.177.151.117
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>773.574.590.224</b>	<b>724.331.259.418</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	675.748.006.539	560.537.806.376
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	75.554.818.550	98.947.773.268
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	25.523.763.903	65.680.360.833
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(3.411.467.686)	(1.074.289.940)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6	159.468.918	239.608.881
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>601.986.563.106</b>	<b>677.815.969.629</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	605.839.371.298	677.815.969.629
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(3.852.808.192)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>39.629.514.630</b>	<b>32.271.857.653</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	13.734.426.213	11.974.509.397
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.10	21.528.213.441	14.654.442.689
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	4.366.874.976	5.642.905.567
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt Úc**

Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1.2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm :

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>271.393.789.579</b>	<b>210.659.244.147</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.971.347.676</b>	<b>2.971.347.676</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.12	2.971.347.676	2.971.347.676
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>85.673.013.065</b>	<b>89.035.311.718</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	84.234.508.354	87.627.263.990
<i>Nguyên giá</i>	222		148.994.723.660	147.495.789.472
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(64.760.215.306)	(59.868.525.482)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	1.438.504.711	1.408.047.728
<i>Nguyên giá</i>	228		2.515.354.650	2.350.212.400
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.076.849.939)	(942.164.672)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.15</b>	<b>117.006.030.192</b>	<b>63.126.284.771</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		117.006.030.192	63.126.284.771
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>23.750.000.000</b>	<b>23.750.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	23.750.000.000	23.750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>41.993.398.646</b>	<b>31.776.299.982</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	41.072.106.899	30.476.769.509
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.18	921.291.747	1.299.530.473
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.707.124.137.980</b>	<b>1.670.255.481.964</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt Úc

Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương mai, quận Đống Đa, thành phố Hà nội, Việt nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1.2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm :

#### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>945.914.940.294</b>	<b>856.738.139.277</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>898.385.672.098</b>	<b>833.190.886.804</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.19	89.405.872.820	81.663.560.438
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.20	5.274.098.326	10.227.351.238
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.21	11.735.210.807	14.116.671.750
4. Phải trả người lao động	314	V.22	32.261.675.061	30.091.854.719
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.23	82.542.645.770	89.953.407.178
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.24	6.105.758.896	883.770.965
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.25	647.510.084.734	581.806.578.094
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.26	22.916.520.411	23.813.887.149
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.27	633.805.273	633.805.273
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47.529.268.196</b>	<b>23.547.252.473</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.28	318.181.818	318.181.818
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.29	47.202.630.000	23.193.760.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.30	8.456.378	35.310.655
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt Úc

Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1.2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm :

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>761.209.197.686</b>	<b>813.517.342.687</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.31</b>	<b>761.209.197.686</b>	<b>813.517.342.687</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		3.191.543	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.507.079.090	9.507.079.090
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.698.927.053	104.010.263.597
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		34.010.263.597	48.931.815.379
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.688.663.456	55.078.448.218
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.707.124.137.980</b>	<b>1.670.255.481.964</b>

Lập, ngày 25 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Linh Phụng

Kế toán trưởng

Mai Thị Sen

Giám đốc



Phạm Thị Thanh Hà

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt Úc**

Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương mai, quận Đống Đa, thành phố Hà nội, Việt nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1.2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

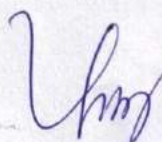
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	636.528.984.782	584.030.336.838
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		60.453.031.217	32.821.542.930
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		576.075.953.565	551.208.793.908
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	363.176.686.102	364.990.796.369
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		212.899.267.463	186.217.997.539
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	512.253.095	88.876.986
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.657.956.648	9.017.374.164
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.898.360.048	7.892.736.556
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	152.185.124.955	146.839.913.538
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	30.312.672.169	25.847.402.068
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.255.766.786	4.602.184.755
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.003.337.398	379.757.626
13. Chi phí khác	32	VI.8	43.726.889	514.884.950
14. Lợi nhuận khác	40		959.610.509	(135.127.324)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.215.377.295	4.467.057.431
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.867.582.659	2.161.274.833
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	659.131.180	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.688.663.456	2.305.782.598
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		17.688.663.456	2.305.782.598
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	253	33
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	253	33

Lập, ngày 25 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Linh Phụng

Mai Thị Sen

Phạm Thị Thanh Hà



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt Úc**

Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương mai, quận Đống Đa, thành phố Hà nội, Việt nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1.2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22.215.377.295	4.467.057.431
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.026.375.091	3.396.990.317
- Các khoản dự phòng	03	5.292.619.200	789.157.928
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	392.778.947
- Chi phí lãi vay	06	8.898.360.048	7.226.570.682
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	41.432.731.634	16.272.555.305
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(57.459.141.167)	(14.444.832.416)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	71.976.598.331	(133.729.664.867)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(72.139.834.299)	81.399.891.770
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(12.355.254.206)	1.075.528.871
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.898.360.048)	(7.892.739.375)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.365.957.245)	(828.015.379)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.191.543	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(38.806.025.457)</b>	<b>(58.147.276.091)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(55.543.821.859)	(14.483.132.064)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(55.543.821.859)</b>	<b>(14.483.132.064)</b>

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt Úc

Tầng 5, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương mai, quận Đống Đa, thành phố Hà nội, Việt nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1.2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	524.255.435.812	427.566.951.959
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(434.543.059.172)	(331.140.912.947)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>89.712.376.640</b>	<b>96.426.039.012</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(4.637.470.676)</b>	<b>23.795.630.857</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b> V.1	<b>25.177.151.117</b>	<b>38.126.341.660</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b> V.1	<b>20.539.680.441</b>	<b>61.921.972.517</b>

Lập, ngày 25 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Linh Phụng

Kế toán trưởng

Mai Thị Sen

Giám đốc



Phạm Thị Thanh Hà

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019**

**03 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt Úc (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác trong các cửa hàng chuyên doanh.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Tập đoàn**

Công ty mẹ chỉ đầu tư vào một công ty con là Công ty TNHH MTV Sản xuất Lắp ráp Công nghệ cao Kangaroo có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Tân Quang, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Hưng Yên. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.726 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.665 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)**

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất 03 tháng đầu năm.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất 03 tháng đầu năm.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất 03 tháng đầu năm.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)**

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **5. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)**

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí phần mềm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### *Chi phí phần mềm*

Chi phí phần mềm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

#### *Chi phí trả trước khác*

Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn hiệu lực của loại chi phí đó.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Chương trình phần mềm máy tính:

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)**

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **14. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn là dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa được tính theo tỷ lệ % trên doanh thu. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong năm trước. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

### **15. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)**

### **16. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất 03 tháng đầu năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất 03 tháng đầu của năm sau.

### **19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)**

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **22. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.700.776.515	1.688.510.993
Tiền gửi ngân hàng	18.838.903.926	23.488.640.124
<b>Cộng</b>	<b>20.539.680.441</b>	<b>25.177.151.117</b>

#### 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107495637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Thành là 25.000.000.000 VND (tương ứng với 250.000 cổ phần). Trong năm 2018, Tập đoàn đã mua lại 47.500 cổ phần của Công ty này từ ông Lê Văn Khoa với giá mua là 23.750.000.000 VND theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2412/2018/HDCNCP ngày 24 tháng 12 năm 2018. Tại ngày kết thúc quý I.2019, Tập đoàn nắm giữ 47.500 cổ phần tương đương với 19% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Thành.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Thành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý đối với khoản đầu tư chưa có giá niêm yết.

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Mediamart Việt Nam	161.257.328.641	143.242.932.677
Công ty Cổ phần Thế giới Di động	201.090.037.590	96.284.048.826
You and Me Solution Group Co., Ltd	80.954.118.016	48.694.851.295
Công ty TNHH Dịch vụ EB	19.091.279.824	21.137.397.862
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	24.284.595.418	19.258.032.695
Công ty TNHH Thương mại VHC	2.364.090.524	13.638.404.242
Công ty TNHH Cao Phong	18.615.619.124	13.557.152.902
Các khách hàng khác	168.090.937.402	204.724.985.877
<b>Cộng</b>	<b>675.748.006.539</b>	<b>560.537.806.376</b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Bảo Hưng		17.556.687.500
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thịnh Phát	4.000.000.000	14.000.000.000
Foshan Jiling Electric Appliance Technology Co., Ltd		13.235.099.036
Công ty Cổ phần GMO-Z.com RUNSYSTEM	9.079.500.000	8.949.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Toàn Thắng Mới	7.979.110.656	7.979.110.656
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Cửu Long Giang	7.067.282.364	7.067.282.364
Ningbo Singfun Electric Appliance Co. Ltd		1.370.720.610
Các nhà cung cấp khác	47.428.925.530	28.789.873.102
<b>Cộng</b>	<b>75.554.818.550</b>	<b>98.947.773.268</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)****5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>240.348.235</b>		<b>160.435.734</b>	
Ông Lê Xuân Hoàn - Tạm ứng	240.348.235		130.349.734	
Ông Bùi Thị Minh Hoa - Tạm ứng			30.086.000	
Ông Vũ Nhật Hưng - Tạm ứng				
Bà Phạm Thị Thanh Hà - Tạm ứng				
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>			<b>65.519.925.099</b>	
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai			4.882.616.578	
Ký cược, ký quỹ	3.999.641.466		4.466.981.424	
Tạm ứng	17.937.403.872		49.001.464.578	
Phải thu chiết khấu			2.190.870.500	
Phải thu cá nhân tiền hàng đem gia công			1.974.363.343	
Phải thu người lao động tiền cho vay trừ dần vào lương	2.583.000		1.753.548.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.343.787.330		1.250.080.676	
<b>Cộng</b>	<b>25.523.763.903</b>		<b>65.680.360.833</b>	

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

**6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Đầu tư & Thương mại Topcare	1.074.289.940		1.074.289.940	
Dự phòng các đơn vị khác	2.337.177.746			
<b>Cộng</b>	<b>3.411.467.686</b>		<b>1.074.289.940</b>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	1.074.289.940
Trích lập dự phòng bổ sung	2.337.177.746
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.411.467.686</b>

**7. Tài sản thiếu chờ xử lý**

Là hàng tồn kho thiếu trong quá trình kiểm kê.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)****8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			14.107.031.727	
Nguyên liệu, vật liệu	106.071.560.896		98.511.905.308	
Thành phẩm	57.626.400.378		12.513.107.335	
Hàng hóa	442.141.410.024	3.852.808.192	552.683.925.259	
<b>Cộng</b>	<b>605.839.371.298</b>	<b>3.852.808.192</b>	<b>677.815.969.629</b>	

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	201.438.813	452.369.166
Chi phí quảng cáo	2.487.252.581	
Chi phí thuê vị trí quảng cáo	6.519.959.628	6.767.420.384
Chi phí thi công quầy kệ, biển quảng cáo	662.598.805	557.252.493
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	131.312.727	134.100.000
Chi phí bảo hiểm	263.826.724	759.558.899
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.468.036.935	3.303.808.455
<b>Cộng</b>	<b>13.734.426.213</b>	<b>11.974.509.397</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.268.493.810	3.753.630.754
Chi phí quảng cáo		
Chi phí phần mềm	23.391.504	40.935.138
Chi phí thuê vị trí quảng cáo	4.084.557.475	5.517.968.330
Chi phí thi công sửa chữa showroom	33.621.914.850	19.717.202.089
Các chi phí trả trước dài hạn khác	73.749.260	1.447.033.198
<b>Cộng</b>	<b>41.072.106.899</b>	<b>30.476.769.509</b>

010136  
CÔNG  
PHẦN TẬP  
ĐOÀN ĐIỆN  
LẠNH ĐIỆN  
MÁY VIỆT  
ÚC ĐÀ

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019  
3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	65.888.101.473	45.921.654.970	30.929.916.345	4.674.019.639	82.097.045	147.495.789.472
Mua trong kỳ		1.498.934.188				1.498.934.188
Đầu tư XDCB hoàn thành						
Thanh lý, nhượng bán						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>65.888.101.473</b>	<b>47.420.589.158</b>	<b>30.929.916.345</b>	<b>4.674.019.639</b>	<b>82.097.045</b>	<b>148.994.723.660</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.789.357.400	3.703.392.048	6.118.453.341	1.581.149.356		14.192.352.145
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	15.581.904.165	24.738.194.005	16.577.783.381	2.914.303.096	56.340.835	59.868.525.482
Khấu hao trong kỳ	1.716.882.223	1.987.659.679	1.057.148.565	129.999.357		4.891.689.824
Thanh lý, nhượng bán						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>17.298.786.388</b>	<b>26.725.853.684</b>	<b>17.634.931.946</b>	<b>3.044.302.453</b>	<b>56.340.835</b>	<b>64.760.215.306</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	50.306.197.308	21.183.460.965	14.352.132.964	1.759.716.543	25.756.210	87.627.263.990
Số cuối kỳ	<b>48.589.315.085</b>	<b>20.694.735.474</b>	<b>13.294.984.399</b>	<b>1.629.717.186</b>	<b>25.756.210</b>	<b>84.234.508.354</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)

### 11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.350.212.400	942.164.672	1.408.047.728
Mua trong năm	165.142.250		
Khấu hao trong năm		134.685.267	
Số cuối kỳ	<b>2.515.354.650</b>	<b>1.076.849.939</b>	<b>1.438.504.711</b>

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	27.272.727			27.272.727
Xây dựng cơ bản dở dang	57.105.223.248	53.879.745.421		110.984.968.669
Công trình mở rộng nhà máy	57.105.223.248	53.879.745.421		110.984.968.669
Sửa chữa lớn tài sản cố định	5.993.788.796			5.993.788.796
Cộng	<b>63.126.284.771</b>	<b>53.879.745.421</b>		<b>117.006.030.192</b>

### 13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

#### Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.299.530.473	2.520.948.480
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(378.238.727)	(1.221.418.007)
Số cuối năm	<b>921.291.747</b>	<b>1.299.530.473</b>

### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Shuiyi Holding Group Co.,Ltd		12.913.929.132
Zhongshan Newecan Enterprise development Co.,Ltd		6.218.431.993
Jiangsu Xingxing Appliance Technology Co.,Ltd	7.842.713.807	4.193.048.209
Guangdong Enaiter Electrical Appliance Co.,Ltd	302.740.071	3.708.391.803
Liuzhou Dragon Sea trading Co., Ltd	165.137.775	2.346.164.450
Foshan Sanshui Dongan Electric Appliance Co.,Ltd		436.317.266
Các nhà cung cấp khác	81.095.281.167	51.847.277.585
Cộng	<b>89.405.872.820</b>	<b>815.663.560.438</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Phân phối Thống Nhất		5.806.497.355
Các khách hàng khác	5.274.098.326	4.420.853.883
<b>Cộng</b>	<b><u>5.274.098.326</u></b>	<b><u>10.227.351.238</u></b>

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.254.573.158		16.721.390.219	(19.672.402.619)	8.303.560.758	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			15.493.697.310	(15.493.697.310)		
Thuế xuất, nhập khẩu	2.248.500		9.473.714.407	(10.027.581.001)	73.829.654	625.447.748
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.369.133.314	5.642.905.567	3.867.582.659	(1.365.957.326)	1.969.280.389	3.741.427.228
Thuế thu nhập cá nhân	1.490.716.778		7.108.085.811	(7.210.262.502)	1.388.540.006	
Các loại thuế khác			9.366.190	(9.366.190)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác						
<b>Cộng</b>	<b><u>14.116.671.750</u></b>	<b><u>5.642.905.567</u></b>	<b><u>52.673.836.515</u></b>	<b><u>(53.779.266.948)</u></b>	<b><u>11.735.210.807</u></b>	<b><u>4.366.874.976</u></b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.867.582.659	2.161.274.833
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>3.867.582.659</u></b>	<b><u>2.161.274.833</u></b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁ Y VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1.2019 (tiếp theo)

khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### *Các loại thuế khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>82.542.645.770</i>	<i>89.953.407.178</i>
Chi phí lãi vay		664.238.926
Trích trước chi phí vận chuyển	4.160.517.690	2.669.164.160
Chi phí chiết khấu thương mại phải trả	50.937.914.100	56.381.831.912
Chi phí khuyến mại phải trả		10.143.600.413
Chi phí quảng cáo quầy kệ	16.980.276.284	7.861.258.742
Chi phí bảo hành	2.053.848.365	1.870.579.540
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	8.410.089.331	10.362.733.485
<b>Cộng</b>	<b><u>82.542.645.770</u></b>	<b><u>89.953.407.178</u></b>

### 18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

#### 18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	456.910.215	478.921.215
Bảo hiểm xã hội	487.395.324	1.600.000
Bảo hiểm thất nghiệp	258.000	
Phải trả ốm đau thai sản		27.857.623
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.161.195.357	375.392.127
<b>Cộng</b>	<b><u>6.105.758.896</u></b>	<b><u>883.770.965</u></b>

#### 18b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

#### 18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### 19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

#### 19a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Thanh Xuân <sup>(i)</sup>	254.154.364.090	255.525.389.407
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình <sup>(ii)</sup>	318.781.033.444	259.564.981.597
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- Chi nhánh Hải Dương <sup>(iii)</sup>	73.516.687.200	61.013.207.090
Vay dài hạn đến hạn trả	58.000.000	5.703.000.000
Ông Phạm Đức Tuấn	1.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>647.510.084.734</u></b>	<b><u>581.806.578.094</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/4541146/HĐTD ngày 08/5/2018 với hạn mức cho vay không vượt quá 200.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất và thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng theo thời gian nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên thứ ba là Ông Lê Xuân Hoàn cùng vợ là bà Nguyễn Thị Bình, ông Lê Hồng Đông cùng vợ là bà Nghiêm Thị Thanh Hiếu.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng số 01/ 2018/ 5628716/ HĐTD ngày 22/01/2018 với hạn mức vay tối đa 50.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2018/5628716/HĐTD ngày 21/6/2018 với hạn mức vay tối đa là 100.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 120/2018-HĐCVHM/NHCT124-VIETUC ngày 02/8/2018 với hạn mức cho vay không vượt quá 450.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng cho từng lần giải ngân. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng một số tài sản thế chấp của Công ty TNHH MTV Sản xuất Lắp ráp Công Nghệ cao Kangaroo và tài sản đảm bảo của bên thứ 3 là bất động sản của các cá nhân là Ông Nguyễn Thành Phương.

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 18006/NHNTHD ngày 26/1/2018 với hạn mức cho vay không vượt quá 50.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 05 tháng cho từng lần giải ngân. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng theo thời gian nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng một số tài sản thế chấp của Công ty và tài sản đảm bảo của bên thứ ba là bất động sản của các cá nhân là Ông Nguyễn Văn Hiến, bà Trần Thị Bích, Ông Nguyễn Thành Phong, bà Phạm Thị Sơn, Ông Lê Hồng Đông, bà Nghiêm Thị Thanh Hiếu và Ông Nguyễn Thành Phương.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng số 180031/NHNTHD ngày 17 tháng 4 năm 2018 với hạn mức cho vay tối đa 25.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	581.806.578.094	492.846.565.812	(428.143.059.172)	646.510.084.734
Vay ngắn hạn các tổ chức khác				
Vay ngắn hạn các cá nhân		1.000.000.000		1.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả				
<b>Cộng</b>	<b>581.806.578.094</b>	<b>493.846.565.812</b>	<b>(428.143.059.172)</b>	<b>647.510.084.734</b>

**19b. Vay dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	23.193.760.000	23.193.760.000
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV- Chi nhánh Thanh Xuân <sup>(i)</sup>	44.600.000.000	
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương <sup>(ii)</sup>	2.602.630.000	
<b>Cộng</b>	<b>47.202.630.000</b>	<b>23.193.760.000</b>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Hợp đồng vay trung hạn Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng số 02/2018/5628716/HĐTD ngày 15 tháng 11 năm 2018. Vay mục đích mở rộng nhà máy sản xuất tại khu công nghiệp Tân Quang, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)**

Thời hạn của khoản vay theo hợp đồng là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần. Lãi vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 9%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay là bất động sản hình thành trong tương lai.

- (ii) Hợp đồng vay trung hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng số 180032/NHNTHD ngày 03 tháng 11 năm 2018. Vay mục đích đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Thời hạn của khoản vay theo hợp đồng là 36 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay. Hạn mức cho vay tối đa là 10.000.000.000 VND. Lãi suất thả nổi. Thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp cho khoản vay là hệ thống máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất thuộc sở hữu của công ty TNHH MTV Sản xuất Lắp ráp Công nghệ cao Kangaroo theo hợp đồng thế chấp số 180031B/TC/NHNTHD ngày 17 tháng 4 năm 2018.

### 19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

## 20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng bảo hành hàng hoá. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	23.813.887.149	6.638.245.095
Tăng do trích lập		28.940.676.606
Số sử dụng	(897.366.738)	(10.802.713.342)
Số hoàn nhập		(962.321.210)
Số cuối kỳ	<u>22.916.520.411</u>	<u>23.813.887.149</u>

## 21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	316.902.637		316.902.637
Quỹ phúc lợi	316.902.636		316.902.636
Cộng	<u>633.805.273</u>		<u>633.805.273</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)**

### 22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	35.310.655	8.456.378
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	-26.854.277	26.854.277
Số cuối năm	8.456.378	35.310.655

### 23. Vốn chủ sở hữu

#### 23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Cộng
Số đầu năm trước	60.000.000.000				60.000.000.000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	640.000.000.000				640.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước			48.931.815.379		48.931.815.379
Trích lập các quỹ		9.507.079.090			9.507.079.090
Lợi nhuận trong kỳ này			55.078.448.218		55.078.448.218
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu					
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>9.507.079.090</b>	<b>104.010.263.597</b>		<b>813.517.342.687</b>
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	9.507.079.090	104.010.263.597		813.517.342.687
Lợi nhuận trong kỳ			17.688.663.456		17.688.663.456

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</b>	<b>Cộng</b>
Chia cổ tức, lợi nhuận			(70.000.000.000)		(70.000.000.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản				3.191.543	3.191.544
Trích lập các quỹ					
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>9.507.079.090</b>	<b>51.698.927.053</b>	<b>3.191.543</b>	<b>761.209.197.686</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)

### 23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Công nghệ cao Toàn Cầu	175.000.000.000	175.000.000.000
Ông Nguyễn Thành Phương	41.167.600.000	41.160.000.000
Ông Lê Xuân Hoàn	34.307.900.000	34.300.000.000
Các cổ đông khác	449.524.500.000	449.540.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>700.000.000.000</u></b>	<b><u>700.000.000.000</u></b>

### 23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	70.000.000	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	8.148,12	23.518,87

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

### VII.

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	636.516.984.782	584.030.336.838
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>636.528.984.782</u></b>	<b><u>584.030.336.838</u></b>

##### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁ Y VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	45.783.483.089	29.751.046.162
Hàng bán bị trả lại	14.669.548.128	3.070.496.768
<b>Cộng</b>	<b>60.453.031.217</b>	<b>32.821.542.930</b>

### 3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	363.176.686.102	364.990.796.369
Giá vốn của thành phẩm đã bán		
<b>Cộng</b>	<b>363.176.686.102</b>	<b>364.990.796.369</b>

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.044.948	6.927.235
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	510.208.147	81.949.751
<b>Cộng</b>	<b>512.253.095</b>	<b>88.876.986</b>

### 5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.898.360.048	7.892.736.556
Chiết khấu thanh toán cho người mua	588.884.248	
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	170.712.352	1.124.637.608
<b>Cộng</b>	<b>9.657.956.648</b>	<b>9.017.374.164</b>

### 6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	60.628.873.454	49.046.068.585
Chi phí bảo hành	3.100.211.906	2.215.900.495
Chi phí Chiết khấu, khuyến mại	33.797.068.763	46.320.836.143
Chi phí vận chuyển	12.336.588.104	11.333.547.199
Chi phí quảng cáo	17.399.381.584	18.841.225.911
Chi phí công tác	1.109.112.734	2.007.461.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.074.741.979	11.941.194.970
Chi phí khác	10.690.580.799	4.524.269.993
<b>Cộng</b>	<b>152.185.124.955</b>	<b>146.839.913.538</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁ Y VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	15.423.271.359	10.836.086.399
Chi phí vận chuyển	692.936.987	741.151.321
Chi phí dự phòng	626.467.619	
Chi phí công cụ dụng cụ quản lý ,khấu hao tài sản cố định,	1.341.667.704	1.273.991.917
Chi phí bảo hiểm	179.656.486	419.155.279
Công tác phí	625.812.215	1.149.121.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.873.068.499	4.302.982.994
Chi phí bằng tiền khác	7.549.791.300	7.124.912.804
<b>Cộng</b>	<b><u>30.312.672.169</u></b>	<b><u>25.847.402.068</u></b>

### 8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng		9.955.000
Cước phân chia dịch vụ 1900	59.507.665	50.281.735
Tiền chiết khấu	258.076.803	199.000.000
Thu nhập khác	685.752.930	120.520.891
<b>Cộng</b>	<b><u>1.003.337.398</u></b>	<b><u>379.757.626</u></b>

### 9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư		74.379.678
Thuế bị phạt, bị truy thu	33.174.506	435.832.003
Các khoản chi phí khác	10.552.383	4.673.269
<b>Cộng</b>	<b><u>43.726.889</u></b>	<b><u>514.884.950</u></b>

### 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	55.115.314	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	710.555.167	
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(203.399.303)	
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	96.860.002	
<b>Cộng</b>	<b><u>659.131.180</u></b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁ Y VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)

### 11. Lãi trên cổ phiếu

#### 11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.688.663.456	2.305.782.598
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.688.663.456	2.305.782.598
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm/kỳ	70.000.000	70.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>253</u></b>	<b><u>33</u></b>

#### 11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	76.052.144.813	59.882.154.984
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.390.233.336	1.883.400.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.947.810.478	16.244.177.964
Chi phí khác	88.107.608.497	16.308.756.899
<b>Cộng</b>	<b><u>182.497.797.124</u></b>	<b><u>172.687.315.606</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn là các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

##### *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

##### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số tiền vay phát sinh trong năm		3.200.000.000
Số tiền trả gốc vay trong năm		98.188.300.000
Số tiền tạm ứng phát sinh trong năm	13.689.344.219	923.909.411
Số tiền hoàn ứng phát sinh trong năm	13.346.282.220	835.914.261

##### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.19.

##### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.794.249.576	1.583.160.198
Tiền thưởng		
<b>Cộng</b>	<b><u>2.794.249.576</u></b>	<b><u>1.583.160.198</u></b>

#### 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

##### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, khu vực miền Trung và khu vực miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)**

	<b>Khu vực miền Bắc</b>	<b>Khu vực miền Trung</b>	<b>Khu vực miền Nam</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	292.369.299.657	68.796.799.277	205.476.255.347		576.075.953.565
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	264.555.790.292		675.402.545	(255.797.593.553)	
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>556.925.089.949</b>	<b>68.796.799.277</b>	<b>206.151.657.892</b>	<b>(255.797.593.553)</b>	<b>576.075.953.565</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	107.149.218.008	26.521.659.286	77.132.416.163	(2.095.974.006)	212.899.267.463
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	107.149.218.008	26.521.659.286	77.132.416.163	(2.095.974.006)	212.899.267.463
Doanh thu hoạt động tài chính	511.147.534	1.105.561			512.253.095
Chi phí tài chính	(9.572.955.382)	(223.518.729)	(2.280.311.086)	2.418.828.549	(9.657.956.648)
Chi phí bán hàng	(78.973.809.785)	(17.033.518.651)	(60.270.734.341)	4.092.937.822	(152.185.124.955)
Chi phí quản lý	(21.796.161.243)	(1.597.271.324)	(7.846.747.355)	927.507.753	(30.312.672.169)
Thu nhập khác	7.241.509.561	1.357.401	42.344.560	(6.281.874.124)	1.003.337.398
Chi phí khác	(43.501.416)	(225.473)			(43.726.889)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(903.089.455)	(1.609.099.614)	(1.355.393.590)		(3.867.582.659)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(659.131.180)	(659.131.180)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.612.357.822</b>	<b>6.060.488.457</b>	<b>5.421.574.351</b>	<b>2.594.242.826</b>	<b>17.688.663.456</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>					
<b>Tổng chi phí</b>	<b>7.205.001.582</b>	<b>236.965.896</b>	<b>1.169.719.123</b>		<b>8.611.686.601</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁÝ VIỆT ÚC**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)**

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung	Khu vực miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>					
<b>Năm trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	566.006.745.889	48.230.613.470	133.028.817.281	(196.057.382.732)	551.208.793.908
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>566.006.745.889</b>	<b>48.230.613.470</b>	<b>133.028.817.281</b>	<b>(196.057.382.732)</b>	<b>551.208.793.908</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	118.604.679.525	17.334.168.287	51.207.152.325	(928.002.598)	186.217.997.539
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(172.687.315.606)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					13.530.681.933
Doanh thu hoạt động tài chính					88.876.986
Chi phí tài chính					(9.017.374.164)
Thu nhập khác					379.757.626
Chi phí khác					(514.884.950)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.161.274.833)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>2.305.782.598</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>4.252.495.522</b>	<b>160.104.337</b>	<b>563.205.894</b>		<b>4.975.805.753</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<b>Khu vực miền Bắc</b>	<b>Khu vực miền Trung</b>	<b>Khu vực miền Nam</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.648.030.683.620	102.000.694.085	320.472.435.551	570.182.436.794	1.500.321.376.462
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					206.802.761.518
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.707.124.137.980</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	939.813.650.437	72.500.182.680	294.207.321.338	360.606.214.161	945.914.940.294
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>945.914.940.294</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.789.356.690.853	84.774.064.771	311.654.505.296	515.529.778.956	1.670.255.481.964
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.670.255.481.964</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	839.749.253.974	61.334.041.823	290.814.156.977	335.159.313.497	856.738.139.277
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LẠNH ĐIỆN MÁY VIỆT ÚC

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I.2019**

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2019 (tiếp theo)**

	<u>Khu vực miền Bắc</u>	<u>Khu vực miền Trung</u>	<u>Khu vực miền Nam</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<u><u>856.738.139.277</u></u>

## 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, phân phối sản phẩm điện tử dân dụng.

## 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất 03 tháng đầu năm.

Lập, ngày 25 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Linh Phụng

Mai Thị Sen

Phạm Thị Thanh Hà